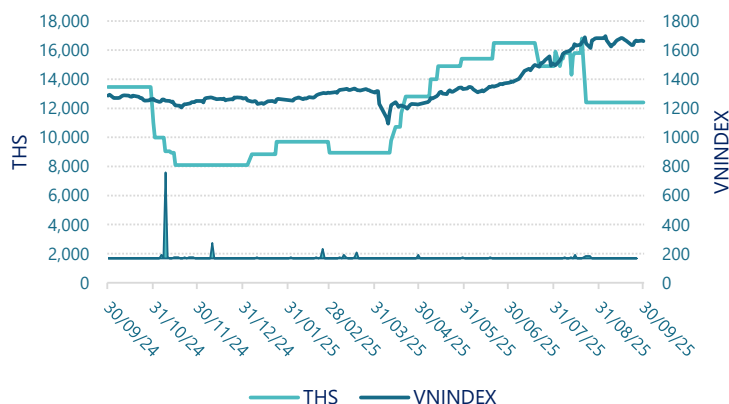


CTCP Thanh Hoa - Sông Đà (HNX: THS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,094
SL cổ phiếu LH	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33
P/E	35.0
EPS	354

DT thuần

Q3/25

67.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼53.6| -44.3%

YoY: ▲15.5| 29.8%

LN sau thuế

Q3/25

0.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.07| -27.6%

YoY: ▼0.07| -27.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.0%

+/- YoY: ▲0.1%

DT thuần

9T 2025

266

tỷ VNĐ

YoY: ▲58.0| 27.9%

LN sau thuế

9T 2025

0.62

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.29| -31.6%

ROE

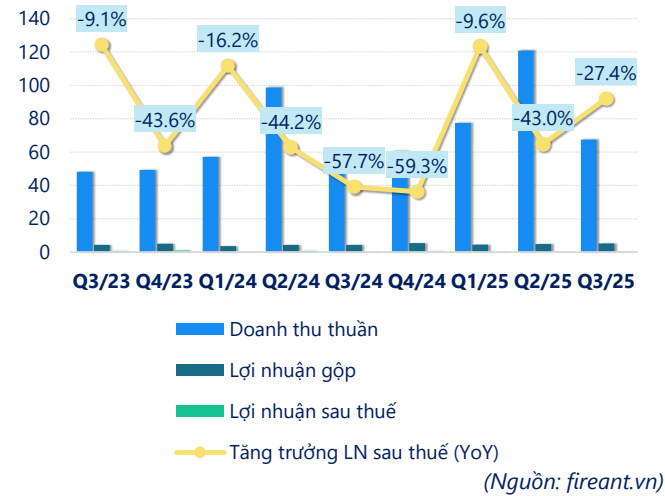
Q3/25

2.5%

+/- YoY: ▼1.8%

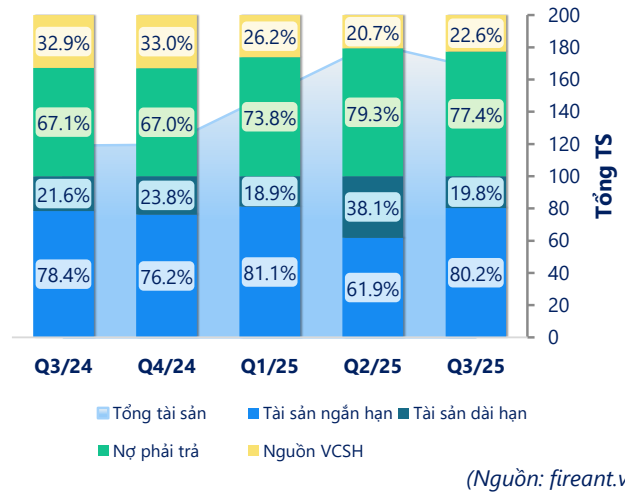
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

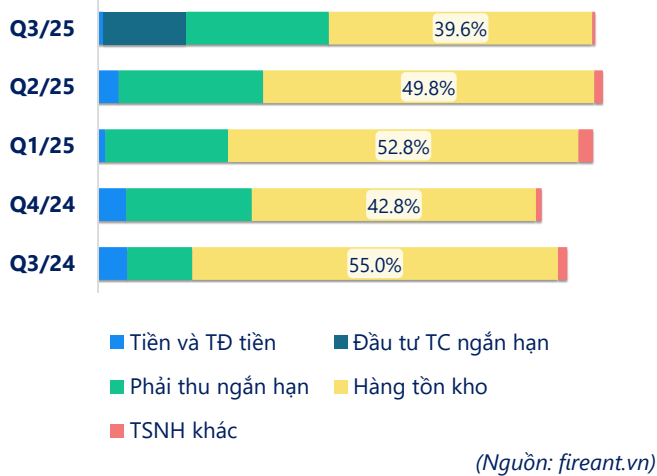


Cơ cấu Tổng tài sản

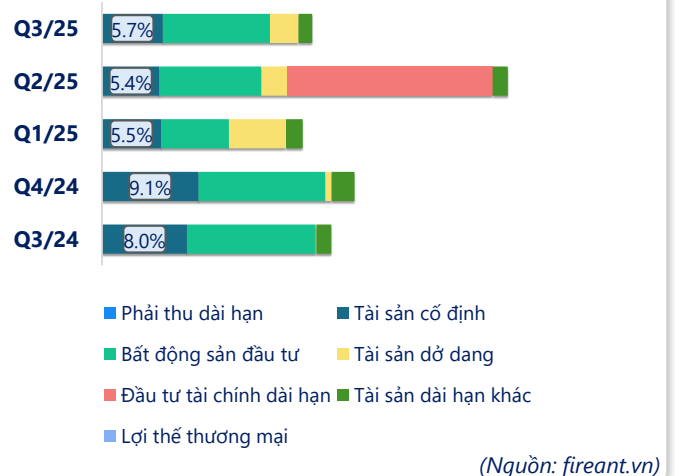
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

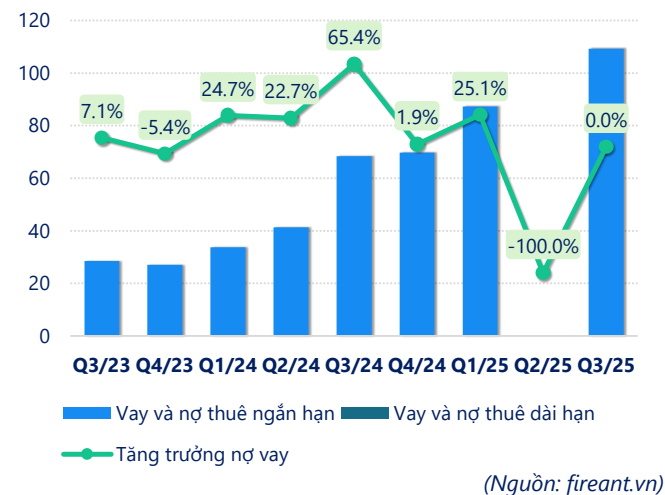


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



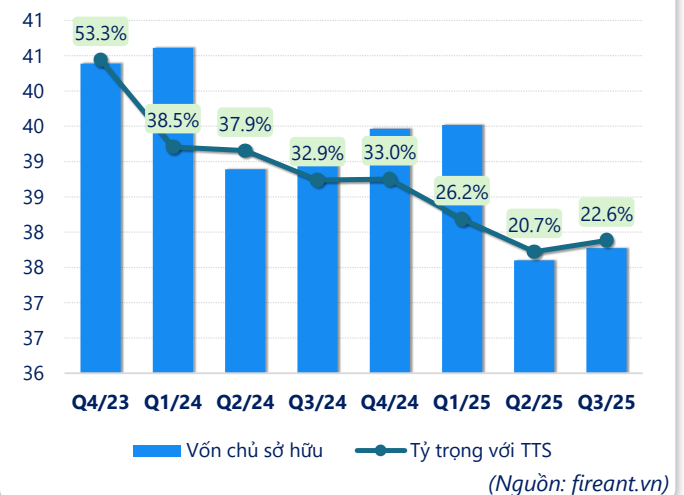
tỷ VNĐ

Nợ vay

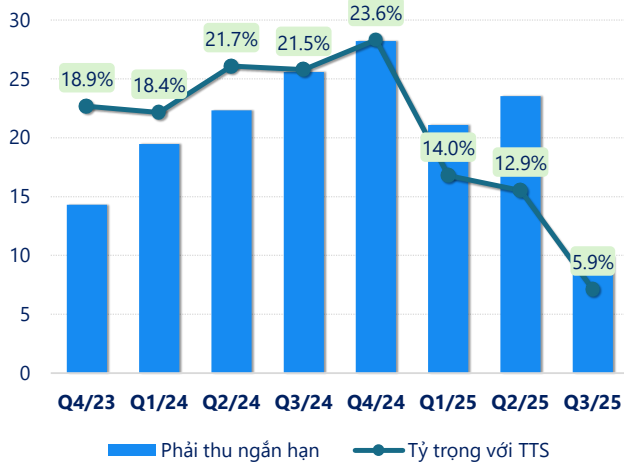


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

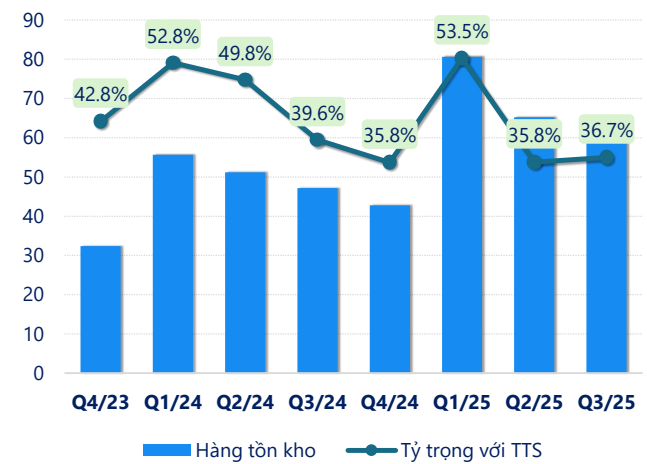


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


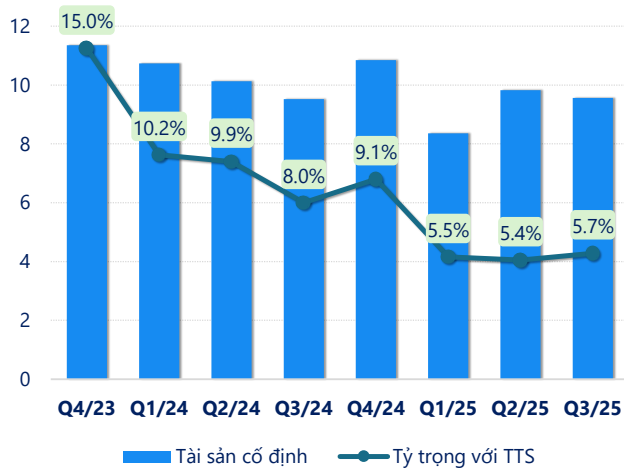
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


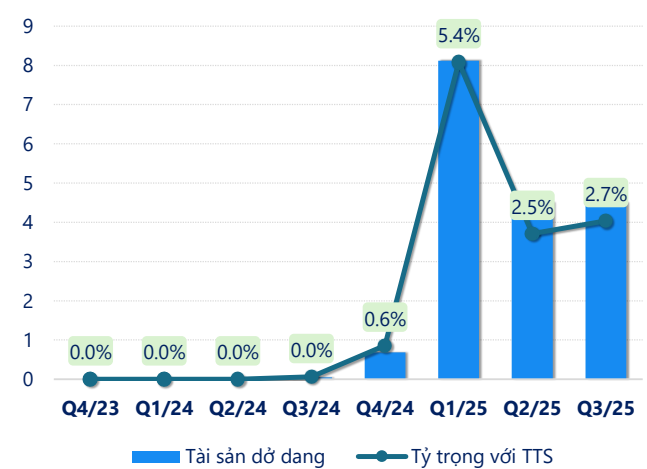
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

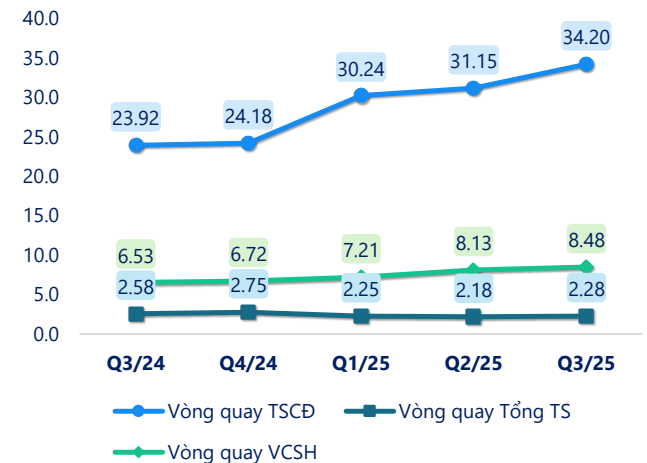
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	119	120	151	182	167
Tài sản ngắn hạn	93.4	91.1	122	113	134
Tiền và tương đương tiền	5.26	5.06	1.66	5.63	1.28
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.9	14.9	14.9	14.9	59.2
Phải thu ngắn hạn	25.6	28.2	21.1	23.5	9.92
Hàng tồn kho	47.2	42.8	80.6	65.2	61.3
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	0.21	4.00	3.32	2.48
Tài sản dài hạn	25.7	28.4	28.5	69.4	33.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	9.52	10.8	8.36	9.83	9.56
Bất động sản đầu tư	14.4	14.3	9.62	17.4	16.9
Tài sản dở dang	0.05	0.69	8.12	4.50	4.50
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	35.1	0
Tài sản dài hạn khác	1.67	2.60	2.35	2.56	2.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	79.9	80.1	111	144	130
Nợ ngắn hạn	79.9	80.1	111	144	129
Vay và nợ thuê ngắn hạn	68.4	69.7	87.2	0	109
Phải trả người bán ngắn hạn	9.87	9.42	21.6	39.4	17.2
Nợ dài hạn	0	0	0.64	0.64	0.83
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	39.1	39.5	39.5	37.6	37.8
Vốn chủ sở hữu	39.1	39.5	39.5	37.6	37.8
Vốn điều lệ	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)